

Bản án số: **89/2026/DS-ST**

Ngày: 12/02/2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Phương

Bà Phạm Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang - Thư ký, Toà án nhân dân Khu vực 5 - H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - H, tham gia phiên tòa:
Ông Cao Đức Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5 - H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 374/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-DS ngày 09/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST-DS ngày 27/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V; Địa chỉ: Số 89 LH, phường ĐĐ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NCD - Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: (1) Ông ĐHL, CCCD số 001***472; (2) Ông PTA, CCCD số 030***999; (3) Ông ĐTC, CCCD số 051***374; (4) Ông NTĐ, CCCD số 058***160; (5) Ông NMB, CCCD số 040***176; (6) Ông LĐL, CCCD số 033***064; (7) Ông VNQ, CCCD số 001***888; (8) Ông NVĐ, CCCD số 035***871; (9) Ông LĐL, CCCD số 033***064; (10) Ông NTĐ, CCCD số 058***160; (11) Bà NNG, CCCD số 001***316; Ông CDT, CCCD số 036***289 (Theo Giấy Ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 29/4/2025).

Đại diện theo ủy quyền của ông VNQ gồm: (1) Ông TTK, CCCD số: 001***117 và (2) ông PTL, CCCD số: 027***373 (Theo văn bản ủy quyền số 5140.05/2025/UQN-PUN-RCC ngày 28/5/2025).

- Bị đơn: Ông NTH, sinh năm 1992; CCCD số: 001***185; địa chỉ đăng ký thường trú theo hợp đồng: Tổ 30, phường NT, quận LB nay là phường BD, thành phố H.

Ông L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý

do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2025 của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng V (Vbank) và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Vbank trình bày:*

Về việc giao kết và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Ông NTH đã ký hợp đồng tín dụng với Vbank theo 2 Hợp đồng cụ thể như sau:

(1) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021, nội dung cơ bản như sau:

Số tiền cho vay: 150.000.000 (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng)
Thời hạn cho vay: 48 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Mua đồ gia dụng. Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản khách hàng mở tại Vbank, nhận nợ từ thời điểm Vbank giải ngân tiền vay vào tài khoản thanh toán khách hàng. Thông tin tài khoản nhận giải ngân: 248146842 mở tại Vbank.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 33%/năm. Biên độ điều chỉnh lãi suất tối đa là 25%. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Mức Lãi suất tham cH nêu trên được xác định theo Biểu Lãi suất tham cH áp dụng đối với các khoản vay không có Tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân tại Vbank được Vbank công bố (được niêm yết tại website: www.Vbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Đến điều chỉnh lãi suất, Vbank sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và sẽ thông báo cho Khách Hàng theo quy định của pháp luật. Khách Hàng chấp thuận mức lãi suất mới kể từ thời điểm Vbank thực hiện việc điều chỉnh ký. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nói trên, ông NTH không thực hiện đúng việc trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Vì vậy, theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký, toàn bộ dư nợ của khoản vay trên đã chuyển sang quá hạn từ ngày 15/12/2022.

Tạm tính đến ngày 29/12/2025, số tiền mà Ông NTH đã trả là 57.718.632 đồng, trong đó tiền gốc đã trả là 17.255.420 đồng, tiền lãi đã trả là 40.463.212 đồng; ông NTH còn nợ Vbank tổng số tiền là 345.591.891 đồng, trong đó: số tiền gốc phải trả là 132.744.580 đồng, số tiền lãi phải trả là 212.847.311 đồng.

(2) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 (số hợp đồng 119-P-6851512).

Hạn mức tín dụng thẻ đề nghị là: 200.000.000 đồng;

Loại thẻ: Vbank Diamond World Credit.

Hạn mức thẻ tín dụng được phê duyệt: 130.000.000 đồng;

Thời hạn vay tín dụng là 60 tháng.

Lãi suất thẻ theo quy định của Ngân hàng tại từng thời kỳ, được niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử của Vbank.

Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày 20/10/2021, ông NTH đã sử dụng toàn bộ số tiền đã được cấp hạn mức tín dụng là 130.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông NTH vi phạm nghĩa vụ trả nợ không thanh toán đúng hạn, không thanh toán đủ số tiền phải thanh toán cho Vbank từ ngày 08/12/2022. Tạm tính đến ngày 29/12/2025, số tiền Ông NTH còn nợ Vbank đối với Hợp đồng nêu trên là: 441.876.312 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là: 129.365.943 đồng và nợ lãi còn phải trả là: 312.510.369 đồng

Yêu cầu khởi kiện của Vbank cụ thể như sau:

1. Buộc ông NTH phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và lãi phát sinh liên quan theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 29/12/2025 là: 787.468.203 đồng, cụ thể như sau:

1.1. Tổng số tiền ông NTH còn nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021 là: 345.591.891 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là: 132.744.580 đồng, nợ lãi trong hạn còn phải trả là: 3.608.943 đồng, nợ lãi quá hạn còn phải trả là: 208.139.865 đồng, lãi chậm trả là: 1.098.503 đồng.

1.2. Tổng số tiền ông NTH còn nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 là: 441.876.312 đồng, trong đó: Nợ gốc còn phải trả là: 129.365.943 đồng, nợ lãi phải trả là: 312.510.369 đồng.

2. Kể từ ngày 30/12/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ nêu trên, ông NTH tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định của Điều kiện giao dịch chung của Vbank.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và Điều kiện giao dịch chung của Vbank

có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Vbank thì lãi suất ông H phải tiếp tục thanh toán cho Vbank theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Vbank.

Ông NTH có trách nhiệm trả ngay toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Vbank. Số tiền ông NTH trả nợ được ưu tiên trừ vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

3. Ông NTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn – ông NTH đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông H không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không có lời khai của ông H tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt và có văn bản trình bày giữ nguyên toàn bộ lời khai và yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H giải quyết:

1. Buộc ông NTH phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và lãi phát sinh liên quan theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 12/02/2026 là: 825.666.987 đồng, cụ thể như sau:

1.1. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021: Nợ gốc còn phải trả là: 132.744.580 đồng; nợ lãi trong hạn còn phải trả là: 3.608.943 đồng; nợ lãi quá hạn còn phải trả là: 216.658.248 đồng; lãi chậm trả: 1.142.997 đồng; tổng cộng: 354.154.768 đồng.

1.2. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 (số hợp đồng 119-P-6851512): Nợ gốc còn phải trả: 129.365.943 đồng; lãi còn phải trả là: 340.123.120 đồng; phí: 2.023.156 đồng; tổng cộng: 471.512.219 đồng.

2. Kể từ ngày 13/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ nêu trên, ông NTH tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định của Điều kiện giao dịch chung của Vbank.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và Điều kiện giao dịch chung của Vbank có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Vbank thì

lãi suất ông H phải tiếp tục thanh toán cho Vbank theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Vbank.

Ông NTH có trách nhiệm trả ngay toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Vbank. Số tiền ông NTH trả nợ được ưu tiên trừ vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

3. Ông NTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu hay đề nghị nào khác.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán, thư ký lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghiêm túc, không đến Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông NTH buộc ông H phải trả cho Vbank số tiền tạm tính đến hết ngày 12/02/2026 là: 825.666.987 đồng, cụ thể như sau:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021: Nợ gốc còn phải trả là: 132.744.580 đồng; nợ lãi trong hạn còn phải trả là: 3.608.943 đồng; nợ lãi quá hạn còn phải trả là: 216.658.248 đồng; lãi chậm trả: 1.142.997 đồng; tổng cộng: 354.154.768 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 (số hợp đồng 119-P-6851512: Nợ gốc còn phải trả: 129.365.943 đồng; lãi còn phải trả là: 340.123.120 đồng; phí: 2.023.156 đồng; tổng cộng: 471.512.219 đồng.

- Kể từ ngày 13/02/2026, ông NTH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

* Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Quá trình giải quyết vụ án xác định: Ông NTH được Vbank giải ngân cho vay số tiền nợ gốc 150.000.000đ và được cấp thẻ tín dụng hạn mức là 130.000.000 đồng đều với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, mua đồ gia dụng. Đây là tranh chấp về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về dân sự, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông NTH đăng ký HKTT: Tổ 30, phường NT, quận LB nay là phường BD, thành phố H. Và qua xác minh thể hiện ông NTH có đăng ký thường trú và hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Như vậy, Bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, nhưng Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án xét xử vắng mặt Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: .

Về hình thức của 02 hợp đồng tín dụng gồm: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét 02 hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hợp đồng ký kết có mục đích và nội dung rõ ràng, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 119, 398, 401, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 và điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[2.2]. Về việc thực hiện hợp đồng của các bên, yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Ông H đã thực hiện các giao dịch và sử dụng hết số tiền vay 150.000.000 đồng nợ gốc và sử dụng hết số tiền được cấp hạn mức tín dụng thẻ là 130.000.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc ông H đã sử dụng là 280.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông NTH đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 15/12/2022. Ông H đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký và Điều kiện giao dịch chung của Vbank mà hai bên đã thỏa thuận và phải chịu lãi suất quá hạn như đã thỏa thuận (lãi suất được điều chỉnh tương ứng theo từng thời kỳ của Vbank). Vì vậy, theo quy định của hợp đồng, Vbank có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Tạm tính đến hết ngày 12/02/2026, ông NTH còn nợ Vbank tổng số tiền là: 825.666.987 đồng, cụ thể như sau:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021: Nợ gốc còn phải trả là: 132.744.580 đồng; nợ lãi trong hạn còn phải trả là: 3.608.943 đồng; nợ lãi quá hạn còn phải trả là: 216.658.248 đồng; lãi chậm trả: 1.142.997 đồng; tổng cộng: 354.154.768 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 (số hợp đồng 119-P-6851512: Nợ gốc còn phải trả: 129.365.943 đồng; lãi còn phải trả là: 340.123.120 đồng; phí: 2.023.156 đồng; tổng cộng: 471.512.219 đồng.

Nguyên đơn đã giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký kết của Bị đơn.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông H phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn nên căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, nên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về việc buộc Bị đơn là ông NTH phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Nguyên đơn 825.666.987 đồng, cụ thể như sau:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021: Nợ gốc còn phải trả là: 132.744.580 đồng; nợ lãi trong hạn còn phải trả là: 3.608.943 đồng; nợ lãi quá hạn còn phải trả là: 216.658.248 đồng; lãi chậm trả: 1.142.997 đồng; tổng cộng: 354.154.768 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 (số hợp đồng 119-P-6851512: Nợ gốc còn phải trả: 129.365.943 đồng; lãi còn phải trả là: 340.123.120 đồng; phí: 2.023.156 đồng; tổng cộng: 471.512.219 đồng.

Kể từ ngày 13/02/2026, ông NTH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H tham gia phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Cụ thể ông NTH phải chịu án phí sơ thẩm là 36.770.010 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 398, 463, và Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2025);

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Áp dụng Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 28/2002/QĐ-NHNN ngày 11/01/2002; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/05/2005;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông NTH.
2. Buộc ông NTH phải trả cho Ngân hàng V tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 12/02/2026 là: 825.666.987 (tám trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy) đồng, cụ thể như sau:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021: Nợ gốc còn phải trả là: 132.744.580 đồng; nợ lãi trong hạn

còn phải trả là: 3.608.943 đồng; nợ lãi quá hạn còn phải trả là: 216.658.248 đồng; lãi chậm trả: 1.142.997 đồng; tổng cộng: 354.154.768 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 (số hợp đồng 119-P-6851512): Nợ gốc còn phải trả: 129.365.943 đồng; lãi còn phải trả là: 340.123.120 đồng; phí: 2.023.156 đồng; tổng cộng: 471.512.219 đồng.

3. Buộc ông NTH phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 13/02/2026 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (ký hiệu số LN2201045010494) ký ngày 20/12/2021, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho Khách hàng ưu tiên ngày 10/10/2021 (số hợp đồng 119-P-6851512) và Bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng V cho đến khi ông H thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

Buộc ông NTH phải chịu án phí sơ thẩm là: 36.770.010 (ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn không trăm mười) đồng.

Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5) theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0014808 ngày 04/11/2025 là 14.899.529 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TANDTP.H;
- VKSND Khu vực 5 - HN;
- VKSND TP H;
- Phòng THADS Khu vực 5 - HN;
- THADS TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc